| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRÀ ÔN**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 16 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Lê Thị Bảy Nhỏ

Ông Trần Văn Hiểu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn không tham gia.***

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020, về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1977.(Vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực B, phường L, quận B1, thành phố Cần Thơ

- *Bị đơn*: Anh Phan Văn U, sinh năm 1973.(Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã L1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 12/02/2020, nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc D trình bày: Chị và anh Phan Văn U thành hôn vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường L, quận B1, thành phố Cần Thơ ngày 20/5/2008. Thời gian vợ chồng chung sống được khoảng 02 năm không có hạnh phúc nên vợ chồng cắt đứt quan hệ từ năm 2010 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, chị yêu cầu được ly hôn với anh U. Về con chung, tài sản chung, nợ chung chị D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn là anh Phan Văn U. Đồng thời triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hoà giải nhiều lần nhưng phía anh U không trình bày ý kiến bằng văn bản gởi cho Toà án. Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên toà nhưng anh U vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Phan Văn U tại phiên toà hôm nay.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc D, bị đơn vắng mặt không có ý kiến trình bày.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc D có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phan Văn U đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về hôn nhân: Chị Phan Thị Ngọc D và anh Phan Văn U thành hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường L, quận B1, thành phố Cần Thơ ngày 20/5/2008 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Quá trình chung sống chị Phan Thị Ngọc D cho rằng vợ chồng sống chung không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng cắt đứt quan hệ khoảng 09 năm nay, cả hai đều không liên lạc và thăm nôm nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập anh U nhiều lần đến tham gia hòa giải nhằm giúp đỡ chị D, anh U đoàn tụ nhưng anh U vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh U không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D, anh U lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc D là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:Nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc D có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Ngọc D ly hôn với Phan Văn U.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc D có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 15940 ngày 12/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị D đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân phường L;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thu Nga**